TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/KDTM-ST
Ngày: 07/8/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2023/QĐXX - ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2023/QĐST – KDTM ngày 17/7/2023), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng ĐNA

Trụ sở: phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh Tr

Địa chỉ: phường 01, quận 5, TPHCM; Giấy ủy quyền số 11210/2022/UQ - SeABank ngày 15/7/2022

Bị đơn: Công ty VN

Trụ sở: phường 9, quận Gò Vấp, TPHCM

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1978

Địa chỉ: phường 02, quận Tân Bình, TPHCM

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1978; Địa chỉ: phường 02, quận Tân Bình, TPHCM

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng ĐNA và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/9/2021 Công ty VN (sau đây gọi là Công ty VN) ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2118900030/HĐTDTHM với Ngân hàng ĐNA, chi nhánh Sài Gòn (sau đây gọi là Ngân hàng) với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 35 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 2 tháng kể từ ngày 30/9/2021. Thời hạn tối đa của mỗi khoản vay không quá 06 tháng, từ ngày 22/10/2021 đến 22/4/2022. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,5%/ năm, cố định trong suốt thời hạn vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 21/10/2021 Ngân hàng đã giải ngân và Công ty VN nhận nợ số tiền 9.013.400.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 2118900030/01 ngày 22/10/2021.

Để bảo đảm số tiền vay nêu trên cho Công ty VN, ông Nguyễn Hữu Kh đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2118900030/HĐTC – BX021564 – BH056991 ngày 20/10/2021 thế chấp hai quyền sử dụng đất cho Ngân hàng; Tài sản thế chấp là thửa đất số A và thửa đất số B, thuộc tờ bản đồ số 10, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TPHCM. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01339 ngày 02/3/2012 và CHO02739 ngày 01/12/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty VN chưa thanh toán nợ gốc, thanh toán số tiền lãi là 265.709.952 đồng. Tính đến ngày 06/7/2022, dư nợ gốc và lãi của Công ty VN tạm tính như sau: Nợ gốc 9.013.400.000 đồng + nợ lãi 355.456.299 đồng = 9.368.856.299 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty VN thanh toán số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi phát sinh tính từ ngày 07/7/2022 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Trường hợp Công ty VN không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án, là hai quyền sử dụng đất tại thửa đất số A và thửa đất số B, thuộc tờ bản đồ số 10, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TPHCM. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01339 ngày 02/3/2012 và CH02739 ngày 01/12/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trường hợp đã xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ thanh toán cho Ngân hàng thì Công ty VN có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi thi hành xong toàn bộ các khoản nợ.

Bị đơn là Công ty VN (có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu Kh) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu Kh mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Bản tự khai, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Biên bản ghi nhận ngày 31/7/2023, đại diện nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty VN thanh toán cho Ngân hàng ĐNA số tiền: Nợ gốc 9.013.400.000 đồng + nợ lãi 1.595.823.667 đồng (tính từ ngày 22/10/2021 tới ngày xét xử sơ thẩm) = 10.609.223.667 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong các khoản nợ. Trường hợp Công ty VN không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án. Trường hợp đã xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ thanh toán cho Ngân hàng thì Công ty VN có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nợ cho ngân hàng cho đến khi thi hành xong toàn bộ các khoản nợ. Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 10.000.000 đồng là chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chổ đối với hai tài sản thế chấp.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1/ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tống đạt cho các đương sự đúng theo quy định tại Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ban hành, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2/ Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3/ Về nội dung vụ án:

Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn là Công ty VN có người đại diện theo pháp luật cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Hữu Kh, dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến tòa để cung cấp ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ, không có ý kiến phản đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

4/ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng phục vụ mục đích kinh doanh. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đương sự không đến tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án là đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

2.1. Về hợp đồng tín dụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2118900030/HĐTDTHM ngày 30/9/2021, Khế ước nhận nợ số 2118900030/01 ngày 22/10/2021 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Bị đơn có

vay của nguyên đơn số tiền 9.013.400.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến thời điểm xét xử bị đơn còn nợ gốc 9.013.400.000 đồng + nợ lãi 1.595.823.667 đồng = 10.609.223.667 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn đã tính đúng về nợ gốc và lãi. Nội dung yêu cầu của nguyên đơn được các bên tự nguyện thỏa thuận tại hợp đồng và khế ước nhận nợ. Chủ thể ký kết nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về lãi suất phát sinh:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong các khoản nợ, phù hợp quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

2.4. Về hợp đồng thế chấp:

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, nguyên đơn đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án. Tài sản thế chấp là thửa đất số A và thửa đất số B, thuộc tờ bản đồ số 10, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TPHCM, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01339 ngày 02/3/2012 và CH02739 ngày 01/12/2014, do ông Nguyễn Hữu Kh đứng tên chủ quyền.

Trường hợp đã xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ thanh toán cho ngân hàng thì Công ty VN có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu Kh ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2118900030/HĐTC – BX021564 – BH056991 ngày 20/10/2021, thế chấp bằng quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm cho số tiền vay của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối, không có văn bản phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

2.5. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) là chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Yêu cầu này phù hợp quy định tại Điều 157 và 158 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 và 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 327 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đôi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng ĐNA đối với bị đơn là Công ty VN.

1. Về nghĩa vụ thanh toán:

1.1. Buộc Công ty VN có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng ĐNA số tiền 10.609.223.667 đồng (*mười tỷ, sáu trăm lẻ chín triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc 9.013.400.000 đồng (*chín tỷ, mười ba triệu, bốn trăm ngàn đồng*) và lãi 1.595.823.667 đồng (*một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*). Theo Hợp đồng tín dụng

hạn mức số 2118900030/HĐTDTHM ngày 30/9/2021, Khế ước nhận nợ số 2118900030/01 ngày 22/10/2021. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Về lãi, phí phát sinh:

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty VN còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

2.1. Trường hợp Công ty VN không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng ĐNA có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án. Tài sản thế chấp là thửa đất số A và thửa đất số B, thuộc tờ bản đồ số 10, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BH 506991, số vào sổ cấp GCN: CH01339 ngày 02/3/2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX 021564, số vào sổ cấp GCN: CH02739 ngày 01/12/2014, do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Hữu Kh. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2118900030/HĐTC – BX021564 – BH056991 ngày 20/10/2021.

2.2. Trường hợp đã xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ thanh toán cho ngân hàng thì Công ty VN có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho đến khi thi hành xong toàn bộ các khoản nợ.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Trường hợp Công ty VN đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2118900030/HĐTDTHM ngày 30/9/2021, Khế ước nhận nợ số 2118900030/01 ngày 22/10/2021 thì Ngân hàng ĐNA có nghĩa vụ hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BH 506991, số vào sổ cấp GCN: CH01339 ngày 02/3/2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX 021564, số vào sổ cấp GCN: CH02739 ngày 01/12/2014 cho ông Nguyễn Hữu Kh.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2118900030/HĐTC – BX021564 – BH056991 ngày 20/10/2021 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng ĐNA, chi nhánh Sài Gòn với bên thế chấp là ông Nguyễn Hữu Kh và bên được cấp tín dụng là Công ty VN chấm dứt hiệu lực khi Công ty VN trả xong nợ.

Đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền để xóa đăng ký thế chấp.

2.4. Công ty VN có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng ĐNA số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) là chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty VN phải chịu án phí sơ thẩm là 118.609.223 đồng (*một trăm mười tám triệu, sáu trăm lẻ chín ngàn, hai trăm hai mươi ba đồng*).

- Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng ĐNA là 58.684.428 đồng (*năm mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, bốn trăm hai mươi tám đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0049215 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị